

Bản án số: 74/2025/HS-PT
Ngày: 25 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và ông Y Thông Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/TLPT-HS ngày 04/02/2025 đối với bị cáo Trịnh Thu T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đăk Lăk.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trịnh Thu T**; sinh ngày 17 tháng 4 năm 1952, tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Anh L4, sinh năm 1928 và bà Nguyễn Thị C4, sinh năm 1930 (Đều đã chết); có vợ là Trần Thị T4, sinh năm 1958 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thế H**; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1965, tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc H13 và bà Trần Thị T5 (Đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Mai T6, sinh năm 1971 và có 01 người con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Huy H1**; sinh ngày 06 tháng 4 năm 1981, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Ngọc T7, sinh năm 1961; Có vợ là Cao Nữ Hoài K1, sinh năm 1982 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phan Quang H2**; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1972, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Phan Quang N6, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị T8, sinh năm 1952; Có vợ là Nguyễn Thị Thanh N7, sinh năm 1977 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án số: 25/2019/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; sinh ngày 23 tháng 8 năm 1972, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T9, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H14, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị K2, sinh năm 1974 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Cao Thị Thanh N**; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1978, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn C5, sinh năm 1952 và bà Hồ Thị H15, sinh năm 1954; Có chồng là Trần Văn K3, sinh năm 1975 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng L**; sinh ngày 05 tháng 02 năm 1972, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T10 và bà Nguyễn Thị T11 (Đều đã chết); Có chồng là Cao Thanh D1, sinh năm 1970 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Cao Thị Huyền L1**; sinh ngày 07 tháng 5 năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn K4, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H16, sinh năm 1957; Có chồng là Hoàng Vĩnh T12, sinh năm 1973 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Nguyễn Thanh N1**; sinh ngày 04 tháng 12 năm 1982, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H17, sinh năm 1936 và bà Trần Thị H18, sinh năm 1938; có vợ là Nguyễn Thị Huyền T13, sinh năm 1982 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ L2**; tên gọi khác: Phước, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1971, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Cảnh T14 và bà Nguyễn Thị Đ1 (Đều đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: **Bùi Thị K**; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1968, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình L5 và bà Nguyễn Thị M1 (Đều đã chết); Có chồng là Bùi Đình A, sinh năm 1966 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: **Bạch Thanh H3**; sinh ngày 24 tháng 11 năm 1973, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Bạch Văn S2, sinh năm 1945 và bà Trần Thu V, sinh năm 1950; có vợ là Trần Thị Kim L6, sinh năm 1977 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: **Phan Huy C**; sinh ngày 15 tháng 3 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Phan Huy S3, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị T15, sinh năm 1950 (Đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thiên N8, sinh năm 1980 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ N2**; sinh ngày 02 tháng 4 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T16, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị T17, sinh năm 1929; Có chồng là Nguyễn Hồng T18, sinh năm 1963 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: **Lê Cẩm H4**; sinh ngày 07 tháng 3 năm 1972, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Lê L7 và bà Nguyễn Thu L8 (Đều đã chết); Có chồng là Lưu Anh D1, sinh năm 1967 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: **Võ Thị Thanh T1**; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1974, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Võ T19, sinh năm 1938 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M2,

sinh năm 1942; Có chồng là Trịnh Xuân T20, sinh năm 1974 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

17. Họ và tên: **Phan Thị H5**; sinh ngày 07 tháng 4 năm 1982, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Phan Ngọc S4, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị L9, sinh năm 1960; Có chồng là Hoàng Văn A1, sinh năm 1970 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

18. Họ và tên: **Võ Thị Ánh N3**; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1971, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Võ T19, sinh năm 1938 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1942; Có chồng là Nguyễn Xuân T21, sinh năm 1965 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

19. Họ và tên: **Bùi Thị Vân H6**; sinh ngày 25 tháng 4 năm 1977, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Tiến N9, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Kim L10, sinh năm 1954; Có chồng là Nguyễn Văn T22, sinh năm 1970 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

20. Họ và tên: **Nguyễn Huy T2**; sinh ngày 02 tháng 3 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Huy S5, sinh năm 1911 và bà Nguyễn Thị N10, sinh năm 1923 (Đều đã chết); có vợ là Trần Thị Lệ H19, sinh năm 1970 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

21. Họ và tên: **Hồ Thị C1**; sinh ngày 10 tháng 6 năm 1974, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học

vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Hồ L11 và bà Nguyễn Thị H20 (Đều đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn T23, sinh năm 1975 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

22. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu H7**; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Trọng T24, sinh năm 1940 và bà Trần Thị Xuân H21 (Đã chết); Có chồng là Nguyễn Ngọc L12 (Đã chết) và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

23. Họ và tên: **Bùi Thị Hồng P**; sinh ngày 12 tháng 12 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Bùi Đình Q2, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị N11, sinh năm 1947 (Đều đã chết); Có chồng là Nguyễn Quang L13, sinh năm 1967 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

24. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Thái Q**; tên gọi khác: Thái, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1977, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Viết H22, sinh năm 1945 và bà Hoàng Thị Q3, sinh năm 1949; có vợ là Bùi Thị Minh H23, sinh năm 1980 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

25. Họ và tên: **Nguyễn Xuân H8**; sinh ngày 08 tháng 8 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Q4 và bà Nguyễn Thị H24 (Đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị Xuân H25, sinh năm 1975 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

26. Họ và tên: **Phạm Văn C2**; sinh ngày 18 tháng 10 năm 1961, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Phạm Văn V1, sinh năm 1929 và bà Đinh Thị B, sinh năm 1931 (Đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Ngọc L14, sinh năm 1974 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

27. Họ và tên: **Bùi Thị Thanh H9**; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1982, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Bùi Đình T25 và bà Phan Thị Kim O (Đều đã chết); Có chồng là Nguyễn Khánh Đ2, sinh năm 1975 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

28. Họ và tên: **Phạm Thị Ngọc P1**; sinh ngày 14 tháng 11 năm 1977, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Phạm Ngọc H26, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị S6 (Đã chết); Có chồng là Võ Trọng H27, sinh năm 1972 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

29. Họ và tên: **Hoàng Thị Kim T3**; sinh ngày 15 tháng 6 năm 1977, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Hoàng Văn N12 và bà Nguyễn Thị N13; Có chồng là Nguyễn Văn H28, sinh năm 1965 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

30. Họ và tên: **Cao Thị Diễm S**; sinh ngày 24 tháng 12 năm 1973, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Cao Đ3 (Đã chết) và bà Hoàng Thị K5; có chồng là Đặng Q7 Minh D2, sinh năm 1970 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

31. Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim N4**; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1972, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn S7 và bà Nguyễn Thị Kim C6 (Đều đã chết); Có chồng là Trần Phi C7, sinh năm 1969 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

32. Họ và tên: **Trần Văn C3**; sinh ngày 30 tháng 8 năm 1967, tại Thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Trần Q5 và bà Lê Thị X (Đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Mỹ T25, sinh năm 1967 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

33. Họ và tên: **Cao Thị Hồng L3**; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Q7 tịch: Việt Nam; Con ông Cao N14 và bà Hoàng Thị N15; Có chồng là Nguyễn Hữu M3, sinh năm 1966 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

34. Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim A**; sinh ngày 24 tháng 10 năm 1982, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn C8 (Đã chết) và bà Phạm Thị H29, sinh năm 1950; có chồng là Nguyễn Minh V2, sinh năm 1982 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

35. Họ và tên: **Hoàng H10**; sinh ngày 28 tháng 8 năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Hoàng T26 và bà Nguyễn Thị T27 (Đều đã chết); Có vợ là Võ Thị L15, sinh năm

1977 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

36. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Đỗ Q1**; sinh ngày 11 tháng 7 năm 1980, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Quý L16 và bà Hoàng Thị K6; Có chồng là Bùi Q7 D3, sinh năm 1973 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huy H1: Ông Phan Thanh S1, Luật sư Văn phòng luật sư THT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Huy H1 không yêu cầu luật sư Phan Thanh S1 tham gia bào chữa cho bị cáo).*

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thế H: Ông Nguyễn Huy H12, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 416 đường Hùng Vương, phường C, thị xã H, Đắk Lắk; có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn C3, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, Nguyễn Thị Kim A và Hoàng H10: Ông Trần Văn N5, Luật sư Công ty Luật TNHH V thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Quận G, Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.*

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9 năm 2023, Hội đồng nghĩa vụ quân sự các xã, phường tại địa bàn thị xã H, tỉnh Đắk Lắk tổ chức gọi, triệu tập công dân đến độ tuổi tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự để chuẩn bị cho đợt tuyển quân nghĩa vụ quân sự năm 2024. Cũng như các xã, phường khác, Hội đồng nghĩa vụ quân sự phường T và phường B, tổ chức gửi lệnh gọi công dân của phường đến tuổi tham gia sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự (Viết tắt: Khám nghĩa vụ quân sự). Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, các gia đình trên địa bàn phường T và phường B khi có con nhận được lệnh khám nghĩa vụ quân sự, không muốn cho con mình tham gia khám nên đã trực tiếp hoặc thông qua người khác liên hệ với Trịnh Thu T, để nhờ T làm các giấy tờ giả, như giấy báo trúng tuyển của các trường đại học chính quy, giấy xác nhận sinh viên đang học tại trường đại học, cao đẳng để nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T và

phường B để lừa dối con mình đang học tập tại các trường đại học nhằm mục đích được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Hành vi làm giả tài liệu của bị cáo Trịnh Thu T được thực hiện như sau.

Trong tháng 9 năm 2023, khi một số người dân sinh sống trên địa bàn phường T và phường B, thị xã H đến nhà nhờ T làm các giấy xác nhận giả, như giấy báo nhập học giả của các trường đại học, cao đẳng chính quy có tên con của những người này trên các tài liệu giả để những người này mang đến Ban chỉ huy quân sự phường T và phường B, thị xã H nộp nhằm mục đích lừa dối con mình đang học tập tại các trường đại học. Vì có hiểu biết và sử dụng thành thạo các phần mềm photoshop trên máy tính xách tay (Laptop) nên khi những người này đề cập thì T đã đồng ý sẽ tìm hiểu và làm cho những người này. Để làm giả các tài liệu là các giấy xác nhận, giấy báo trúng tuyển của các trường đại học, cao đẳng, T lên mạng Internet để tìm hiểu các mẫu giấy xác nhận, giấy báo trúng tuyển của các trường đại học, cao đẳng khác nhau trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Nha Trang và tỉnh Đắk Lắk, sau khi tìm hiểu kỹ T đã tải về máy tính của mình và lưu lại. Sau khi nghiên cứu kỹ T đã sử dụng các thiết bị điện tử gồm: Máy tính xách tay, máy scan, máy in màu, máy in đen trắng và các phụ kiện đi kèm với các thiết bị này (Các thiết bị điện tử này do T tự mua trước đó để phục vụ công việc cá nhân của mình). Đối với tài liệu giả có chữ ký tươi (Chữ ký sống) và con dấu tròn màu đỏ thì T lên mạng Internet để tải giấy xác nhận về (Đối với trường đại học, cao đẳng nào chỉ cấp giấy xác nhận cho sinh viên mà không cấp giấy báo trúng tuyển kèm theo thì T tải giấy xác nhận của trường đại học, cao đẳng đó, còn đối với trường đại học, cao đẳng cấp cả giấy xác nhận, giấy báo trúng tuyển thì T tải về cả hai mẫu tài liệu này), khi tải xong T sử dụng phần mềm photoshop có tên “Adobe Photoshop” để cắt phần hình con dấu tròn màu đỏ của các trường đại học, cao đẳng sang một thư mục mới (lúc này sẽ có một thư mục mới chỉ có mẫu hình con dấu màu đỏ của trường đại học, cao đẳng), còn mẫu giấy xác nhận mà T tải về chỉ còn lại phần xác nhận của nhà trường và chữ ký phía dưới, lúc này đã mất đi hình con dấu, T sử dụng phần mềm photoshop để chỉnh sửa thông tin người trên giấy xác nhận và xóa phần chữ ký phía dưới rồi sử dụng máy in đen trắng để in ra, lúc in ra sẽ được một giấy xác nhận của trường đại học trước đó tải về có thông tin con của những người đến liên hệ T làm giả, phía dưới không có chữ ký và con dấu màu tròn đỏ. Tiếp tục T bỏ giấy xác nhận đã chỉnh sửa thông tin này vào máy in màu rồi sử dụng thư mục chỉ riêng mẫu con dấu tròn màu đỏ căn chỉnh sao cho khi in ra con dấu tròn màu đỏ sẽ nằm ở vị trí phía dưới tờ giấy xác nhận mà T đã chỉnh sửa thông tin (vị trí phía dưới nơi hay đóng dấu sau khi người có thẩm quyền ký xác nhận), lúc này sau khi in sẽ được tờ giấy xác nhận có thông tin người cần làm giấy xác nhận giả có hình con dấu tròn màu đỏ phía dưới nhưng không có phần chữ ký. Tiếp đến, T nghiên cứu mẫu chữ ký và bắt đầu tập ký giống với chữ ký của người có thẩm quyền của các trường đại học, cao đẳng rồi tự

ký vào giấy xác nhận mà T đã in ra sao cho vừa vặn với hình con dấu tròn đỏ. Hoàn thành các bước này, T đã được một giấy xác nhận giả có thông tin của người muốn làm giấy xác nhận giả, có chữ ký tươi, có con dấu tròn màu đỏ của trường đại học, T nhìn kỹ lại các tài liệu giả này xem có chỗ nào sai sót hay không giống, bị lỗi so với tài liệu thật thì T thao tác lại từ đầu để có một tài liệu giả mà nhìn bằng mắt thường khó có thể nhận biết được. Còn đối với tài liệu giả có chữ ký photocopy thì T cũng làm các bước tương tự nhưng chỉ khác lúc tách hình con dấu tròn màu đỏ ra thư mục mới thì T chỉnh sửa thông tin và để lại phần chữ ký photocopy chứ không xóa đi như tài liệu có chữ ký tươi, khi hoàn thành chỉnh sửa thông tin trên giấy xác nhận thì T in đè con dấu tròn màu đỏ lên chữ ký photocopy sao cho giống với tài liệu thật. Sau khi làm xong, T đưa cho những người đã đến liên hệ làm các tài liệu giả, sau đó khi nhận được các tài liệu từ T thì có người sẽ đưa tiền cho T để cảm ơn, còn một số người sẽ mua nước đến đưa cho T hoặc có người thì không đưa.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã xác định Trịnh Thu T đã trực tiếp làm 52 (năm mươi hai) tài liệu giả là các bản gốc giấy xác nhận giả, giấy báo trúng tuyển giả của các trường đại học, cao đẳng cho 34 (ba mươi bốn) bị cáo sử dụng, trong đó 41 (bốn mươi một) tài liệu giả làm cho các bị cáo sử dụng nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, 08 (tám) tài liệu giả làm cho các bị cáo sử dụng nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H, 03 (ba) tài liệu giả không xác định được đối tượng sử dụng, gồm: Nguyễn Hoàng D4 01 bản gốc Đại Học Nha Trang, T28 01 bản gốc Đại học Tây nguyên và 01 hình ảnh giấy xác nhận Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/09/2023 đối với sinh viên Hoàng Vĩnh P2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ được 45/52 bản gốc tài liệu giả do T đã làm giả, số bản gốc tài liệu giả còn lại do các bị cáo và Ban chỉ huy quân sự phường B làm thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được mà chỉ thu được 07 tài liệu photo. Tổng số tiền T thu lợi bất chính là 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*), số tiền này T đã tự nguyện giao nộp để khắc phục H10 quả.

2. Đối với hành vi của bị cáo Trần Thế H đã làm giả 08 tài liệu như sau:

Thông qua các mối quan hệ bên ngoài xã hội, H biết được T có thể làm các tài liệu giả nên H đã xin số điện thoại của T sau đó liên lạc với T để hỏi có làm được các giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả của các trường đại học, cao đẳng chính quy không, sau khi liên lạc thì được T đồng ý sẽ làm cho H. Sau đó, H tung tin cho một số người sống trên địa bàn phường B, thị xã H rằng nếu người nào có con không muốn tham gia khám nghĩa vụ quân sự liên hệ H sẽ có cách giúp. Khoảng tháng 9 năm 2023, trên địa bàn phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk có 05 người đã liên hệ với H để làm các tài liệu giả hai lần như sau:

Lần thứ nhất: Bị cáo Trần Văn C3, đã đến nhà H để hỏi xem có cách nào giúp con của C3 không phải tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự thì được H nói sẽ nhờ người làm cho một giấy xác nhận con của C3 đang học tại trường đại học rồi cầm

nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H sẽ được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Sau khi nghe vậy, C3 đã đồng ý cung cấp cho H thông tin con trai của C3 là Trần Quốc Đ4 thông qua một bản căn cước công dân photocopy của Đ4 để H làm giấy xác nhận giả, lúc này giữa hai người thỏa thuận, sau khi làm xong C3 sẽ đưa cho H số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), nhưng H chưa liên hệ với T để làm giấy xác nhận giả. Vài ngày sau có Cao Thị Hồng L3, đến nhà nhờ H làm giấy xác nhận giả cho con trai của L3 thì H đã đồng ý và yêu cầu L3 cung cấp thông tin con trai của L3 là Nguyễn Quang T29, sinh ngày 05/9/2005 cho H để H nhờ người làm. Sau đó, H đã gọi điện thoại cho T để nhờ T làm giả các giấy xác nhận của các trường đại học cho con của C3 và L3, thì T đồng ý và hẹn khi nào làm xong sẽ liên hệ lại với H để lấy. Sau khi làm xong các tài liệu giả, T gọi điện thoại cho H hẹn gặp H ở gần nhà thờ giáo họ Ngọc Long thuộc phường T, thị xã H để giao các tài liệu giả. Khi giao các tài liệu giả này T che giấu thân phận của mình không để H biết là ai. Lúc này, T đã giao cho H 04 tài liệu giả gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận giả, 01 bản gốc giấy báo nhập học giả của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Trần Quốc Đ4, sinh ngày 07/09/2005, trú tại: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên giả, 01 bản gốc giấy báo trúng tuyển giả của Trường Đại học Nha Trang mang tên Nguyễn Quang T29, sinh ngày 05/09/2005, trú tại: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận được các tài liệu giả trên từ T, H cầm đến Văn phòng công chứng H, địa chỉ: Phường L, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk để chứng thực mỗi tài liệu giả thêm một bản sao, quá trình chứng thực tại Văn phòng công chứng H không ai biết H đã sử dụng tài liệu giả. Sau khi chứng thực xong, H liên hệ với C3, L3 để giao cho mỗi người 02 bản gốc, bản sao tài liệu mang tên con mình như đã thỏa thuận trước đó. Sau khi nhận được các tài liệu giả từ H thì C3 đưa cho H số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tuy nhiên sau này H đã trả lại 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) cho C3, số tiền còn lại 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) H đã tiêu xài mục đích cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 9 năm 2023, Hoàng H10, liên hệ hẹn gặp H tại một quán cà phê trên địa bàn phường T, thị xã H, sau khi gặp nhau H10 đã trình bày vì lý do sức khỏe của H10 không muốn con H10 là Hoàng Đình P3 phải đi khám nghĩa vụ quân sự nên nhờ H có cách nào giúp cho con của H10 không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự thì được H đồng ý. Sau đó, H10 đã đưa thông tin con trai của mình Hoàng Đình P3 cho H, nhưng H chưa liên hệ liền với T để làm tài liệu giả cho H10. Vài ngày sau có Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, đến gặp và nhờ H làm giả giấy tờ để con trai mình Bùi Hoàng Anh Q6 không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự, thì H đồng ý. Sau đó, Q1 đã cung cấp thông tin của Q6 cho H để H làm, đồng thời Q1 đưa cho H 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để cảm ơn (số tiền này sau này H đã trả lại cho Q1). Tiếp đó, Nguyễn Thị Kim A, đến gặp H để nhờ tìm cách giúp cho con của Kim A là Nguyễn Hoàng Triệu V3 không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự thì H ý. Sau đó, Kim A đã cung cấp thông tin của V3 cho H để làm.

Sau khi nhận lời làm cho H10, Q1 và Kim A thì H gọi điện thoại nhờ T làm các giấy xác nhận theo thông tin mà H cung cấp thì T đã đồng ý. Sau khi làm xong các giấy xác nhận giả, T đã liên hệ với H để giao các giấy xác nhận do T làm giả cho H 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên giả của Trường Đại học Nha Trang ngày 07/9/2023 mang tên Hoàng Đình P3, sinh ngày 23/3/2005, 01 bản gốc giấy xác nhận giả của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/9/2023 mang tên Bùi Hoàng Anh Q6, sinh ngày 04/01/2005, trú tại: Phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, 01 giấy xác nhận giả và 01 giấy báo nhập học giả của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Nguyễn Hoàng Triệu V3, sinh ngày 25/9/2005, trú tại: Phường B, thị xã H, Đắk Lắk. Sau khi nhận các tài liệu giả trên từ T, H đến Văn phòng công chứng H để chứng thực thêm một bản sao các tài liệu giả này, sau khi chứng thực xong H đi về và giao lại các tài liệu giả này cho từng người cụ thể như sau: Đối với Hoàng H10, H đưa 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên giả đề Trường Đại học Nha Trang ngày 07/9/2023 mang tên Hoàng Đình P3, sinh ngày 23/3/2005, kèm 01 bản sao giấy xác nhận này; Đối với Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, H đưa 01 bản gốc giấy xác nhận giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/9/2023 có tên Bùi Hoàng Anh Q6, sinh ngày 04/01/2005, kèm 01 bản sao tài liệu này; Đối với Nguyễn Thị Kim A, H đưa 01 giấy xác nhận giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/9/2023 có tên Nguyễn Hoàng Triệu V3, sinh ngày 25/9/2005, trú tại: Phường B, thị xã H, Đắk Lắk, 01 giấy báo nhập học giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/9/2023 có tên Nguyễn Hoàng Triệu V3, sinh ngày 25/9/2005, trú tại: Phường B, thị xã H, Đắk Lắk, kèm 01 bản sao giấy xác nhận và 01 bản sao giấy báo nhập học. Sau khi H đưa các tài liệu giả trên H không rõ H10, Q1 và Kim A đã sử dụng các tài liệu này như thế nào.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định H đã làm các giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả của các trường đại học cho 05 bị cáo khác sử dụng, tổng số tài liệu giả mà H đã nhờ và được T làm là 08 tài liệu giả, trong đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ được 04 tài liệu bản gốc, 02 tài liệu bản sao và không thu giữ được 02 tài liệu do H10, Q1 đã sử dụng, được Ban chỉ huy Quân sự phường B chụp lại lưu trữ trên điện thoại, sau đó giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. H đã hoàn trả lại số tiền mà Q1 đã đưa, số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) do C3 đưa cho H thì H đã trả lại cho C3 số tiền 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) còn lại số tiền 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) H đã tiêu xài cá nhân hết, số tiền này H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để khắc phục H10 quả.

3. Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Huy H1 đã làm giả 04 tài liệu giả:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Huy H1 là tổ trưởng tổ dân phố phường T, thị xã H, trong một lần tham gia họp tại hội trường Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, H1 quen biết với Lưu Văn Q7, sinh ngày 01/01/1968 (Đã chết), trú tại:

Phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk và được Q7 giới thiệu có thể làm các giấy xác nhận giả của các trường đại học, cao đẳng cho những người được gọi đi khám nghĩa vụ quân sự để được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Nên khi được Phan Quang H2 và Nguyễn Văn Đ, liên hệ hỏi H1 có cách nào giúp con của H2 là Phan Quang T37, sinh ngày 04/01/2005 và con Đ là Nguyễn Tiểu L17, sinh ngày 13/8/2005 không phải tham gia nghĩa vụ quân sự thì được H1 nói sẽ nhờ người làm cho một giấy xác nhận Phan Quang T37, Nguyễn Tiểu L17 đang học tại trường đại học đem nộp cho Ban chỉ huy Quân sự phường sẽ được tạm hoãn khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Giữa H1 và H2 thỏa thuận số tiền công là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), còn giữa Đ và H1 thỏa thuận số tiền công là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Sau đó, H1 đã liên hệ với Q7 để nhờ làm giấy xác nhận giả của trường đại học cho con của H2 và con của Đ thông qua thông tin do H2, Đ cung cấp được Q7 đồng ý, sau đó Q7 nhờ T làm các tài liệu giả này thì H1 không biết. T đã làm các tài liệu giả cho Q7 gồm: 04 giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nha Trang, sau khi nhận được các tài liệu giả từ T, Q7 đã đưa lại cho H1 các tài liệu giả gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận của Trường Đại học Nha Trang và 01 bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học đề Trường Đại học Nha Trang có tên Phan Quang T37, sinh ngày 04/01/2005; 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Nguyễn Tiểu L17, sinh ngày 13/08/2005, trú tại: Phường T, thị xã H, Đắk Lắk; 01 giấy báo nhập học đại học có tên Nguyễn Tiểu L17, sinh ngày 13/08/2005, trú tại: Phường T, thị xã H, Đắk Lắk. Sau khi nhận được các tài liệu giả này từ Q7, H1 đã đưa lại cho H2 và Đ. Đồng thời, H1 dặn H2, Đ cầm bản gốc giấy xác nhận rồi photocopy thêm một bản, sau đó cầm bản photocopy giấy xác nhận kèm bản gốc giấy báo nhập học đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp, còn bản gốc cất giữ lại khi cần thiết trình cho cơ quan chức năng. Việc H1 nhờ ai làm các giấy tờ giả Đ và H2 không biết. Đến ngày tổ chức khám sức khỏe, H2, Đ sử dụng bản photocopy giấy xác nhận kèm bản gốc giấy báo nhập học đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H để nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã H xác định Nguyễn Huy H1 đã nhờ Q7 làm 04 bản gốc tài liệu giả đưa cho Phan Quang H2, Nguyễn Văn Đ sử dụng, tuy nhiên trong quá trình làm việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H thu giữ được 03 bản gốc tài liệu giả, 02 bản photocopy từ tài liệu giả. Đối với số tiền mà H2, Đ đã đưa cho H1, thì H1 đã trả lại cho H2 và Đ

4. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Phan Quang H2 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, khi H2 đang ở nhà Nguyễn Huy H1, là tổ trưởng đến gửi lệnh gọi công dân tham gia sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H cho Phan Quang T37, sinh ngày 04/01/2005 (Là con của H2), lúc này con của H2 đang làm việc tại nước Trung Quốc nên H2 đã hỏi H1 có cách nào để con của mình không phải tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự,

thì H1 đồng ý nói sẽ làm cho con trai H2 giấy xác nhận đang học trường đại học nào đó rồi H2 cầm nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Nghe vậy, H2 đã đồng ý thỏa thuận H2 sẽ đưa cho H1 số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), H1 đã lấy thông tin con của H2 thông qua lệnh gọi công dân tham gia sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Sau đó, H1 liên hệ với Q7 rồi đưa thông tin của Phan Quang T37 (con trai của H2) để Q7 liên hệ làm các giấy xác nhận, giấy báo nhập học giả. Việc H1 nhờ Q7 làm các giấy tờ giả thì H2 không rõ. Sau khi nhận được các tài liệu giả từ Q7, H1 cầm về đưa cho H2 gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Nha Trang và 01 bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học đề Trường Đại học Nha Trang có tên Phan Quang T37, sinh ngày 04/01/2005, H1 nói với H2 cầm tờ giấy xác nhận giả đi photocopy thêm một bản rồi lấy bản photocopy kèm bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học nộp cho Ban chỉ huy Quân sự phường, còn bản gốc giấy xác nhận giữ lại nếu ai hỏi thì xuất trình. Đến ngày khám tuyển, H2 cầm giấy xác nhận (bản photocopy) kèm bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học đề Trường Đại học Nha Trang có thông tin của Phan Quang T37 trên các tài liệu này đến Ban chỉ huy quân sự phường T nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Phan Quang H2 đã nhờ H1 làm 02 bản gốc tài liệu giả, tuy nhiên H2 đã sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả và 01 bản photocopy từ tài liệu giả nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, còn 01 bản gốc tài liệu giả H2 đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được, mà chỉ thu giữ được 01 bản gốc tài liệu giả và 01 bản photocopy từ tài liệu giả. Đối với số tiền mà H2 đã đưa cho H1 thì H1 đã trả lại cho H2.

5. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Văn Đ như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, khi Nguyễn Văn Đ đang ở nhà Nguyễn Huy H1, đến gửi lệnh gọi công dân tham gia sơ khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H cho Nguyễn Tiểu L17, sinh ngày 13/08/2005 và Nguyễn Gia H33, sinh ngày 27/4/2003 là con của Đ, do muốn để Nguyễn Gia H33 sẽ tham gia khám tuyển nghĩa vụ theo đúng quy định, còn không muốn Nguyễn Tiểu L17 phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự do Long đang học tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Đ đã hỏi H1 có cách nào giúp Nguyễn Tiểu L17 không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự không, thì H1 nói sẽ làm cho con Đ giấy xác nhận đang học trường đại học nào đó rồi Đ cầm nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Nghe vậy, Đ đã đồng ý và thỏa thuận sẽ đưa cho H1 số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), sau đó H1 đã liên hệ Q7 đưa thông tin Nguyễn Tiểu L17 để Q7 liên hệ làm giấy xác nhận, giấy báo nhập học giả. Việc H1 nhờ Q7 làm các giấy tờ giả này Đ không biết. Vài ngày sau, H1 nhận được các tài liệu do Q7 đưa nên đã giao cho Đ 01 bản gốc giấy xác nhận Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh và 01 giấy báo nhập học đại học tất cả mang

tên Nguyễn Tiểu L17, sinh ngày: 13/08/2005, trú tại: Phường T, thị xã H, Đắk Lắk, H1 nói với Đ cầm tờ giấy xác nhận đi photocopy thêm một bản rồi lấy bản photocopy của giấy xác nhận kèm bản gốc giấy báo nhập học cầm nộp cho Ban chỉ huy Quân sự phường, còn bản gốc giấy xác nhận giữ lại nếu ai hỏi thì xuất trình. Đến ngày khám tuyển, Đ cầm giấy xác nhận (bản photocopy) kèm giấy báo nhập học đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có thông tin của Nguyễn Tiểu L17 đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học để được tạm hoãn sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Văn Đ đã nhờ H1 làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó Đ đã sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả, 01 bản photocopy từ tài liệu giả nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, quá trình làm việc Đ đã tự nguyện giao nộp 01 (một) bản gốc tài liệu giả còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H. Đối với số tiền mà Đ đã đưa cho H1 thì H1 đã trả lại cho Đ.

6. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Cao Thị Thanh N như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, do có mối quan hệ họ hàng với Lưu Văn Q7 (Đã chết) và biết trước đây Q7 đã từng công tác tại Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nên sau khi nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H triệu tập con của mình là Trần Hoàng V4, sinh ngày 16/01/2005, tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, N đã liên hệ nhờ Q7 có cách nào giúp cho con trai của N không phải tham gia nghĩa vụ quân sự, thì Q7 nói sẽ nhờ người làm cho con của N một giấy xác nhận đang học tại trường đại học rồi cầm nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H thì sẽ được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, còn việc Q7 đã nhờ T làm tài liệu giả N không biết. Sau đó, Q7 liên hệ với T làm tài liệu giả cho N và khi nhận được tài liệu giả này, Q7 đã đưa cho N 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Nha Trang có tên Trần Hoàng V4, sinh ngày: 16/01/2005. Đến ngày khám tuyển, N đã cầm 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên này nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H mục đích lừa dối con trai đang học tại trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà N đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Cao Thị Thanh N đã nhờ Q7 làm 01 (một) bản gốc tài liệu giả giấy xác nhận sinh viên, sau đó sử dụng 01 (một) bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ được 01 (một) bản gốc tài liệu giả giấy xác nhận sinh viên do N sử dụng.

7. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Hồng L như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, do có mối quan hệ họ hàng với Lưu Văn Q7, nên khi con của L là Cao Hoàng Thái D5, sinh ngày 08/8/2003, được Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập tham gia khám nghĩa vụ quân sự thì L đã gặp Q7 để

nhờ Q7 tìm cách làm thế nào cho con của L không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự, thì Q7 đồng ý. Sau đó, Q7 liên hệ nhờ T làm giấy xác nhận này, còn việc Q7 nhờ T làm giả tài liệu L không biết. Sau khi nhận được giấy xác nhận giả từ T, Q7 cầm về đưa cho L 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Cao Hoàng Thái D5, sinh ngày: 08/08/2003, địa chỉ thường trú: Phường T, thị xã H, Đắk Lắk. Sau đó, L cầm đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đã lưu giữ tài liệu mà L đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Hồng L đã nhờ Q7 làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ được 01 bản gốc tài liệu giả này do L sử dụng.

8. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Cao Thị Huyền L1 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, do có quan hệ họ hàng với Lưu Văn Q7 nên sau khi con của Hoàng Ngọc P4 là Hoàng Ngọc P4, sinh ngày: 24/01/2004 được Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, L1 đã gặp Q7 để nhờ Q7 làm cho con L1 một giấy xác nhận giả đang học tại trường đại học nào đó để L1 cầm đi nộp tại Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H sẽ được hoãn khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Sau đó, Q7 đã liên hệ nhờ T để làm giấy xác nhận giả sinh viên, còn việc Q7 nhờ T làm giả như thế nào L1 không biết. Sau khi nhận giấy xác nhận giả từ T, Q7 đưa cho L1 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Hoàng Ngọc P4, sinh ngày: 24/01/2004, địa chỉ thường trú: Phường T, thị xã H, Đắk Lắk L1 đưa cho Q7 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Sau đó, L1 cầm giấy xác nhận này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T đã lưu giữ tài liệu mà L1 nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Cao Thị Huyền L1 đã nhờ Q7 làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do L1 sử dụng.

9. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thanh N1 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Thanh N1 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của mình là Nguyễn Anh Quân, sinh ngày 10/01/2005. Do biết Q7 trước đây có làm việc tại Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nên trong một lần gặp Q7, N1 đã hỏi Q7 có cách nào giúp con trai mình không phải đi khám nghĩa vụ quân sự không, thì Q7 đồng ý và hứa sẽ nhờ người quen làm cho con N1 một giấy xác nhận giả đang

học tại trường đại học nào đó để N1 cầm nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Sau đó, Q7 đã liên hệ với T để nhờ làm giả giấy xác nhận. Sau khi nhận được giấy xác nhận giả từ T, Q7 đưa cho N1 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Nha Trang có tên Nguyễn Anh Quân, ngày sinh: 10/01/2005. N1 cầm đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp mục đích lừa dối con đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà N1 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thanh N1 đã nhờ Q7 làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do N1 sử dụng.

10. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Thị Mỹ L2 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con trai mình là Nguyễn Hồng T30, sinh ngày 01/6/2000, tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Trong một lần đi chợ Lê biết được thông tin Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học và Lê cũng biết nếu có giấy xác nhận này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Sau đó, Lê liên hệ với T để nhờ làm giấy thì T đồng ý và làm cho Lê 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Công Nghệ Thông Tin Đại học Q7 Gia Thành phố Hồ Chí Minh có thông tin Nguyễn Hồng T30, sinh ngày: 01/06/2000 trên giấy xác nhận. Sau khi nhận được tài liệu này từ T, Lê đưa cho T 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) rồi cầm giấy xác nhận giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Công Nghệ Thông Tin Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đã lưu giữ tài liệu mà Lê đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Mỹ L2 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do Lê sử dụng.

11. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Bùi Thị K như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Bùi Thị K nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con trai mình là Bùi Quang N16, sinh ngày 01/01/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Thông qua các mối quan hệ bên ngoài xã hội, Khiêm biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học và Khiêm cũng biết nếu có giấy xác nhận này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên

Khiêm đã đến trực tiếp gặp T để nhờ làm giấy xác nhận cho con của mình, được T đồng ý làm cho Khiêm 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản gốc giấy báo nhập học đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Bùi Quang N16, sinh ngày: 01/01/2005. Khi nhận được các tài liệu này từ T, Khiêm đưa cho T 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Sau đó, Khiêm đã mang 02 tài liệu giả nhận từ T nêu trên đến nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đã lưu giữ tài liệu mà Khiêm sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Bùi Thị K đã nhờ T làm 02 tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do Khiêm sử dụng

12. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Bạch Thanh H3 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Bạch Thanh H3 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của mình là Bạch Hữu G, sinh ngày 17/3/2002, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Trong một lần đi uống cà phê H3 biết được Trịnh Thu T có thể làm giả các giấy xác nhận của các trường đại học. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên H3 đã trực tiếp đến gặp T để nhờ T làm cho con mình một giấy xác nhận của trường đại học để nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thì T đồng ý và làm cho H3 01 bản gốc giấy chứng nhận sinh viên giả đề Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có thông tin Bạch Hữu G, sinh ngày: 17/3/2002. Khi nhận được tài liệu giả này từ T, H3 đưa cho T số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), rồi cầm giấy tờ này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà H3 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Bạch Thanh H3 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do H3 sử dụng.

13. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Phan Huy C như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Phan Huy C nhận được lệnh gọi tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của mình là Phan Huy V5, sinh ngày: 20/01/2002, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Qua các mối quan hệ bên ngoài xã hội, C biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học và C cũng biết nếu có giấy xác nhận này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Nên C đã đến gặp T để đặt vấn đề nhờ T làm giúp giấy xác nhận của trường đại học nào đó cho con trai là Phan Huy V5, được T đồng ý làm cho C 01 bản gốc giấy xác nhận

Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh có tên Phan Huy V5, sinh ngày: 20/01/2002. Khi nhận được giấy xác nhận giả này C đưa cho T số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, C cầm giấy xác nhận giả này nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà C sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Phan Huy C đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do C sử dụng.

14. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N2 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Thị Mỹ N2 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của mình là Nguyễn Tấn T31, sinh ngày 29/5/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Qua các mối quan hệ bên ngoài, N3 biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên N3 trực tiếp đến gặp T để nhờ làm giấy xác nhận giả cho con trai, thì T đồng ý làm cho N3 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản gốc giấy báo nhập học giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tất cả mang tên Nguyễn Tấn T31, sinh ngày: 29/5/2005. Sau khi nhận được giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả này từ T, N3 đưa cho T số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) rồi cầm giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả đến Ban chỉ huy quân sự phường T, nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T đã lưu giữ tài liệu mà N3 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Mỹ N2 đã nhờ T làm 02 tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do N3 sử dụng.

15. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Lê Cẩm H4 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Lê Cẩm H4 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của mình là Lưu Quốc Đ5, sinh ngày 19/01/2000, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Thông qua các mối quan hệ bên ngoài xã hội, H4 biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên H4 trực tiếp đến gặp T để nhờ làm giấy xác nhận cho con mình, thì T đồng ý làm cho H4 01 bản gốc giấy xác nhận Trường Đại học Ngoại

ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Lưu Quốc Đ5, sinh ngày: 19/01/2000. Sau đó, H4 cầm giấy xác nhận giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, nộp với mục đích để con mình được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đã lưu giữ tài liệu mà H4 sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Lê Cẩm H4 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do H4 sử dụng.

16. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Thị Bích H11 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của mình là Thân Hải Đ6, sinh ngày 07/7/2001, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Vì Đ6 đang học tại Thành phố Hồ Chí Minh nên H11 không liên lạc được với Đ6 để nói Đ6 xin giấy xác nhận của nhà trường nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Trong một lần đi chợ H11 biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học. H11 đã trực tiếp đến gặp T để nhờ T làm cho con mình một giấy xác nhận, thì T đồng ý làm cho H11 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Thân Hải Đ6, sinh ngày: 07/7/2001. Khi nhận giấy xác nhận này từ T, H11 đưa cho T số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Sau đó, H11 photocopy thêm một bản, rồi cầm bản photocopy đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích để con mình được hoãn khám nghĩa vụ quân sự, còn bản gốc H11 cất giữ tại nhà. Làm việc với Cơ quan CSĐT Công an thị xã H, H11 đã tự nguyện giao nộp bản gốc giấy xác nhận giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ 01 tài liệu bản photocopy mà H11 sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Bích H11 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản photocopy tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc, 01 bản photocopy tài liệu giả do H11 sử dụng.

17. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Võ Thị Thanh T1 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Võ Thị Thanh T1 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Trịnh Minh T32, sinh ngày 18/4/2002, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Thông qua mối quan hệ xã hội, T1 biết được Trịnh Thu T có thể làm giả các giấy xác nhận giả của các trường đại học. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên T1 đã trực tiếp đến gặp T để nhờ làm giấy xác nhận cho con mình, thì T đồng ý và làm cho T1 01 bản gốc đơn xin xác nhận Trường Đại học Tây Nguyên có thông tin Trịnh Minh T32, sinh ngày: 18/4/2002. Khi nhận được đơn

xác nhận này từ T, T1 đã đưa cho T số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), rồi cầm bản gốc đơn xác nhận này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Đại học Tây Nguyên để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đã lưu giữ tài liệu mà T1 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Võ Thị Thanh T1 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do T1 sử dụng.

18. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Phan Thị H5 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Phan Thị H5 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Hoàng Công M4, sinh ngày 05/01/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học nên H5 đã trực tiếp đến gặp T để nhờ làm giấy xác nhận cho con mình, được T đồng ý làm cho H5 01 bản gốc giấy xác nhận giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, 01 (một) bản gốc giấy báo nhập học giả đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cùng có tên Hoàng Công M4, sinh ngày: 05/01/2005. Khi nhận các giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả từ T, H5 cầm các tài liệu giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà H5 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Phan Thị H5 đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do H5 sử dụng.

19. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Võ Thị Ánh N3 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Võ Thị Ánh N3 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Nguyễn Hoàng V6, sinh ngày 15/01/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Thông qua các mối quan hệ xã hội, biết được Trịnh Thu T làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học, không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên N3 đã trực tiếp đó gặp T để nhờ làm được T đồng ý làm cho N3 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên và 01 bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học Trường Đại học Nha Trang cùng có tên Nguyễn Hoàng V6, sinh ngày 15/01/2005. Khi nhận được giấy xác nhận, giấy báo trúng tuyển và nhập học giả N3 đưa cho T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. N3 cầm giấy xác nhận giả, giấy báo trúng tuyển và nhập học giả trên đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp nhằm mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được

tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà N3 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Võ Thị Ánh N3 đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do N3 sử dụng.

20. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Bùi Thị Vân H6 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Bùi Thị Vân H6 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Nguyễn Quốc T33, sinh ngày 12/02/2001, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Thông qua mối quan hệ xã hội, H2 biết được Trịnh Thu T có thể làm giả các giấy xác nhận của các trường đại học và nộp các giấy tờ này vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên H2 đã trực tiếp gặp T để nhờ làm giấy xác nhận giả cho con mình, được T đồng ý làm cho H2 01 bản gốc giấy chứng nhận sinh viên giả đề Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có thông tin Nguyễn Quốc T33, sinh ngày: 12/02/2001. Khi nhận được giấy chứng nhận sinh viên từ T, H2 đã đưa cho T số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) rồi cầm giấy chứng nhận sinh viên giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà H2 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Bùi Thị Vân H6 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do H2 sử dụng.

21. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Huy T2 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Huy T2 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Nguyễn Huy B1, sinh ngày 28/10/2002, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. T2 biết được Trịnh Thu T có thể làm giấy xác nhận giả của các trường đại học. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên T2 đã đến gặp T nhờ T làm giúp, thì T đồng ý làm cho T2 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Kinh tế - Luật Đại học Q7 Gia TP.HCM có thông tin Nguyễn Huy B1, sinh ngày: 28/10/2002. Sau đó, T2 cầm giấy xác nhận giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học Kinh tế - Luật Đại học Quốc Gia TP.HCM để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà T2 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Huy T2 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả giấy xác nhận sinh viên, sau

đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do T2 sử dụng.

22. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Hồ Thị C1 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Hồ Thị C1 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Nguyễn Mạnh T34, sinh ngày 16/01/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. C1 biết được Trịnh Thu T có thể làm các giấy xác nhận giả của các trường đại học. Do muốn con mình đi du học tại Hàn Q7 mà không phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên C1 đã trực tiếp gặp T nhờ làm giấy xác nhận của trường đại học nào đó để nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, thì T đồng ý làm cho C1 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên và 01 bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học giả đề Trường Đại học Nha Trang cùng có tên Nguyễn Mạnh T34, sinh ngày 16/01/2005, C1 đưa cho T số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) rồi cầm giấy tờ này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai mình đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà C1 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Hồ Thị C1 đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do C1 sử dụng.

23. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Thu H7 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Thị Thu H7 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con mình là Nguyễn Minh H30, sinh ngày 28/02/2001, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn con mình phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên H7 đã trực tiếp gặp T nhờ làm giúp cho con mình giấy xác nhận, thì T đã đồng ý làm cho H7 01 bản gốc giấy xác nhận Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh có tên Nguyễn Minh H30, sinh ngày: 28/02/2001. H7 đưa cho T số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Đến ngày khám sơ tuyển, H7 cầm giấy xác nhận giả đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H để nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà H7 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Thu H7 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do H7 sử dụng.

24. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Bùi Thị Hồng P như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Bùi Thị Hồng P nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con mình là Nguyễn Ngọc S8, sinh ngày 16/3/2004, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Qua một lần đi chợ, P biết được Trịnh Thu T có thể làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học, nên P đã trực tiếp đến gặp T để nhờ làm được T đã đồng ý làm cho P 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên và 01 bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học giả đề Trường Đại học Nha Trang cùng có tên Nguyễn Ngọc S8, sinh ngày: 16/3/2004. P đưa cho T 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Đến ngày sơ khám nghĩa vụ quân sự, P cầm bản gốc giấy xác nhận sinh viên Trường Đại học Nha Trang đến Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H chứng thực thêm một bản sao, rồi cầm bản sao chứng thực từ bản chính nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Còn bản gốc giấy xác nhận sinh viên; bản gốc giấy báo trúng tuyển và nhập học giả P cất giữ ở nhà. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H làm việc thì P đã tự nguyện giao nộp các tài liệu này để phục vụ công tác điều tra. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ 01 tài liệu bản sao chứng thực từ bản chính mà P đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Bùi Thị Hồng P đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản sao chứng thực từ bản chính tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do P giao nộp và 01 bản sao chứng thực từ bản chính giấy xác nhận giả do Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H cung cấp.

25. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Hoàng Thái Q như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Hoàng Thái Q nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của mình là Nguyễn Trung H31, sinh ngày 17/6/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Q7 đã đến trực tiếp gặp T để nhờ làm giấy xác nhận của trường đại học cho con mình, thì T đã đồng ý làm cho Q7 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản gốc giấy báo nhập học đại học chính quy năm 2023 Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cùng có tên Nguyễn Trung H31, sinh ngày: 17/6/2005. Sau đó, Q7 cầm các tài liệu giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà Q7 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Hoàng Thái Q đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do Q7 sử dụng.

26. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Xuân H8 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Nguyễn Xuân H8 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con mình là Nguyễn Trí T35, sinh ngày 23/8/2005, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Qua một lần uống cà phê, H8 biết Trịnh Thu T làm được các giấy xác nhận giả của các trường đại học. Vì không muốn con trai phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự nên H8 đã tìm đến gặp T để nhờ làm cho con mình giấy xác nhận đang học tại trường đại học, thì T đồng ý làm cho H8 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản gốc giấy báo nhập học đại học chính quy năm 2023 Trường Đại học Nha Trang, cùng có tên Nguyễn Trí T35, sinh ngày: 23/8/2005. Khi nhận được các tài liệu này từ T, H8 đưa cho T 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Đến ngày khám tuyển, H8 cầm giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con đang học tại trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà H8 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Xuân H8 nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do H8 sử dụng.

27. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Phạm Văn C2 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Phạm Văn C2 nhận được lệnh gọi của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con trai mình là Phạm Quốc D6, sinh ngày 18/3/2000, tham gia sơ khám nghĩa vụ quân sự. Phạm Quốc D6 lúc này đang học tại Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức nhưng C2 không liên lạc được với Duy để nói Duy xin giấy xác nhận đang học tại trường. Sau một lần đi chợ biết được Trịnh Thu T có thể làm các giấy xác nhận giả của các trường đại học nên đã tìm đến gặp T nhờ làm cho một giấy xác nhận giả của trường đại học có tên con mình, thì T đồng ý làm cho C2 01 bản gốc giấy xác nhận Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức mang tên Phạm Quốc D6, sinh ngày 18/3/2000. C2 đưa cho T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) rồi cầm giấy xác nhận giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích để con mình được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà C2 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Phạm Văn C2 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do C2 sử dụng.

28. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Bùi Thị Thanh H9 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Bùi Thị Thanh H9 nhận được lệnh gọi của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con của H9 là Nguyễn Minh N17, sinh ngày 13/01/2005 tham gia sơ khám nghĩa vụ quân sự, biết được Trịnh Thu T có thể làm các giấy xác nhận giả của các trường đại học. Vì không muốn con tham gia khám

nghĩa vụ quân sự nên H9 đến gặp T để nhờ làm giấy xác nhận cho con mình, được T đồng ý làm cho H9 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 giấy báo nhập học đại học chính quy năm 2023 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Nguyễn Minh N17, sinh ngày 13/01/2005. Đến ngày khám tuyển, H9 cầm giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà H9 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Bùi Thị Thanh H9 đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do H9 sử dụng.

29. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Phạm Thị Ngọc P1 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Phạm Thị Ngọc P1 nhận được lệnh gọi của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập con của P1 là Võ Đức T36, sinh ngày 09/8/2000 tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Biết Trịnh Thu T có thể làm các giấy xác nhận của trường đại học và nộp các giấy tờ này vào Ban chỉ huy quân sự phường T thì con mình sẽ được tạm hoãn khám nghĩa vụ quân sự. Không muốn con phải tham gia nghĩa vụ quân sự nên P1 đã đến nhà T để nhờ T làm giúp một giấy xác nhận của trường đại học cho con mình để nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thì T đồng ý làm cho P1 01 bản gốc giấy xác nhận của Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh có tên Võ Đức T36, sinh ngày: 09/08/2000. P1 đưa cho T 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Đến ngày khám tuyển, P1 sử dụng giấy xác nhận giả này nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nhằm mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà P1 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Phạm Thị Ngọc P1 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do P1 sử dụng.

30. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Hoàng Thị Kim T3 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, khi con của Hoàng Thị Kim T3 là Nguyễn Hoàng Quốc D7, sinh ngày 08/4/2004 đang học tiếng anh tại một trung tâm ngoại ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh thì T3 nhận được lệnh gọi của Ban chỉ huy quân sự phường T triệu tập con mình đi khám nghĩa vụ quân sự, T3 liên lạc nói với D7 xin giấy xác nhận đang học tập tại trung tâm ngoại ngữ để T3 đi nộp, khi nhận được giấy xác nhận của trung tâm ngoại ngữ này do D7 gửi về thì T3 cầm đến Ban chỉ huy quân

sự phường T, thị xã H để nộp nhưng không được chấp nhận vì giấy xác nhận này không hợp lệ. Trong khi đi nộp giấy xác nhận, T3 biết được Trịnh Thu T làm được giấy xác nhận giả của các trường đại học. Trên đường về nhà, T3 đã gặp T nhờ T làm giúp cho T3 giấy xác nhận của trường đại học nào đó để T3 nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H, thì T đồng ý làm cho T3 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Nha Trang có tên Nguyễn Hoàng Quốc D7, sinh ngày: 08/4/2004. Khi nhận được giấy xác nhận từ T, T3 đưa cho T 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. T3 sử dụng giấy xác nhận giả này đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con đang học tại Đại học Nha Trang để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà T3 đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Hoàng Thị Kim T3 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 01 bản gốc tài liệu giả do T3 sử dụng.

31. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Cao Thị Diễm S như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, Cao Thị Diễm S nhận được 02 (hai) lệnh gọi công dân tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập 02 con của S là Đặng Quốc Gia H32, sinh ngày 22/02/2002 và Đặng Cao Minh H38, sinh ngày 01/01/2000, tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Trong một lần đi chợ, S biết được Trịnh Thu T làm được giấy xác nhận giả của trường đại học, vì lúc này cả H32 và Hiếu đều đang đi làm và học tiếng Anh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên S không muốn con tham gia nghĩa vụ quân sự. S đã đến gặp T nhờ làm giúp các giấy xác nhận cho hai con của mình để S nộp cho Ban chỉ huy quân sự phường T, thì T đồng ý làm cho S 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Văn Hiến có tên Đặng Quốc Gia H32, sinh ngày 22/02/2002 và 01 bản gốc giấy chứng nhận sinh viên đề Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh mang tên Đặng Cao Minh H38, sinh ngày: 01/01/2000. Sau đó, S cầm đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H để nộp với mục đích lừa dối con S là Đặng Quốc Gia H32 và Đặng Cao Minh H38 đang học tại Trường Đại học Văn Hiến và Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh để H32, Hiếu được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà S đã sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Cao Thị Diễm S đã nhờ T làm 02 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ được 02 bản gốc tài liệu giả do S sử dụng.

32. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Kim N4 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Thị Kim N4 biết được Trịnh Thu T có thể làm giả các giấy xác nhận của các trường đại học, thời điểm

này con của N4 là Trần Minh D8, sinh ngày 15/02/2004, được Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H triệu tập tham gia sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn con trai phải đi nghĩa vụ quân sự nên N4 đã trực tiếp đến gặp T để nhờ T làm giấy xác nhận của trường đại học cho con mình, được T đồng ý làm cho N4 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Trần Minh D8, sinh ngày: 15/02/2004. N4 đưa cho T 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Đến ngày khám tuyển, N4 cầm giấy xác nhận giả đến Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H chứng thực thêm một bản sao giấy xác nhận, rồi sử dụng bản sao đã được chứng thực đến Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự, còn bản gốc N4 cất giữ tại nhà nhưng sau này đã bị thất lạc. Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H đã lưu giữ tài liệu mà N4 sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Kim N4 đã nhờ T làm 01 bản gốc tài liệu giả, sau đó sử dụng 01 bản sao chứng thực từ bản chính tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T, thị xã H. Do quá trình cất giữ N4 đã làm thất lạc tài liệu bản gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được mà chỉ thu giữ được 01 bản sao chứng thực từ bản chính do N4 sử dụng.

33. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Trần Văn C3 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, trong một lần uống cà phê, C3 nghe nói bên phường T có Trần Thế H, có cách giúp những người được gọi khám nghĩa vụ quân sự không phải tham gia. Cùng thời điểm, C3 nhận được lệnh gọi công dân tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H triệu tập con C3 là Trần Quốc Đ4, sinh ngày 07/9/2005 tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Do không muốn con mình đi nghĩa vụ quân sự nên C3 đã đến gặp H để hỏi có cách nào cho con trai mình không phải tham gia nghĩa vụ quân sự, thì H đồng ý và nói sẽ làm cho một giấy xác nhận của trường đại học rồi cầm nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H sẽ được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Nghe vậy, C3 đồng ý nhờ H làm giấy xác nhận này rồi cung cấp thông tin con trai C3 để H làm, cả hai thỏa thuận sau khi làm xong C3 sẽ đưa cho H 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Vài ngày sau, khi C3 đến tìm H để hỏi về giấy xác nhận mà C3 đã nhờ làm trước đó thì được H nói đã làm xong nhưng do C3 chưa cầm đủ tiền để trả như đã thỏa thuận nên C3 đi về nhà. Ngày hôm sau, H đến gặp C3 và giao cho C3 các tài liệu gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản gốc giấy báo nhập học; 01 bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy xác nhận và 01 bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy báo nhập học đề đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Trần Quốc Đ4, sinh ngày: 07/9/2005. Khi nhận được các tài liệu này từ H, C3 đã đưa cho H số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Đến ngày khám tuyển, C3 đã sử dụng 01 bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy xác nhận và 01 bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy báo nhập học đề Trường Đại học Ngoại ngữ -

Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Trần Quốc Đ4, sinh ngày: 07/9/2005 đến Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, còn bản gốc giấy xác nhận giả, giấy báo nhập học giả C3 cất giữ tại nhà. Sau khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H, C3 đã tự nguyện giao nộp 01 bản gốc giấy xác nhận đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Trần Quốc Đ4, sinh ngày: 07/9/2005; 01 (một) bản gốc giấy báo nhập học đề đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Trần Quốc Đ4, sinh ngày: 07/9/2005. Đối với các bản sao do C3 sử dụng nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H thì Ban chỉ huy quân sự phường B đã làm thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Trần Văn C3 đã nhờ Trần Thế H làm 02 (hai) bản gốc tài liệu giả, C3 đã sử dụng 02 (hai) bản sao chứng thực đúng với bản chính từ tài liệu giả nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 (hai) bản gốc tài liệu giả do C3 tự nguyện giao nộp. Đối với số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) mà C3 đưa cho H, thì H đã trả cho C3 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*), còn số tiền 1.200.000 đồng H đã tiêu xài cá nhân hết.

34. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Cao Thị Hồng L3 như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, con của Cao Thị Hồng L3 là Nguyễn Quang T29, sinh ngày 05/9/2005 được Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H triệu tập tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Lúc này, vì T29 đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, L3 không muốn T29 phải khám nghĩa vụ quân sự. Trong một lần đi mua thuốc tại phường B, thị xã H, L3 biết được Trần Thế H có thể làm giả được giấy xác nhận của trường đại và nộp các giấy tờ này cho Ban chỉ huy quân sự phường B có thể được xem xét tạm hoãn sơ khám nghĩa vụ quân sự. L3 đã tìm đến nhà H nhờ làm thì H đồng ý. Sau đó, H đã lấy thông tin con trai của L3 để H làm. Vài ngày sau, H giao cho L3 các tài liệu gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận sinh viên, 01 bản gốc giấy báo nhập học 01 bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy xác nhận sinh viên và 01 bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy báo nhập học đề Trường Đại học Nha Trang có tên Nguyễn Quang T29, sinh ngày: 05/9/2005. Đến ngày khám tuyển, L3 cầm bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy xác nhận đề Trường Đại học Nha Trang có tên Nguyễn Quang T29, sinh ngày: 05/9/2005 và bản sao chứng thực đúng với bản chính giấy báo nhập học đề Trường Đại học Nha Trang có tên Nguyễn Quang T29, sinh ngày: 05/9/2005 đến Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H nộp với mục đích lừa dối con mình đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Làm việc với Cơ quan CSĐT Công an thị xã H L3 đã tự nguyện giao nộp 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản gốc giấy báo nhập học đề Trường Đại học Nha Trang mang tên Nguyễn Quang T29, sinh ngày: 05/9/2005. Đối với các bản sao do L3 sử dụng nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thì Ban

chỉ huy quân sự phường B, thị xã H đã làm thất lạc các tài liệu này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Cao Thị Hồng L3 đã nhờ H làm 02 bản gốc tài liệu giả, L3 đã sử dụng 02 bản sao chứng thực đúng với bản chính từ tài liệu giả nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản gốc tài liệu giả do L3 tự nguyện giao nộp.

35. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Thị Kim A như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2023, con của Nguyễn Thị Kim A là Nguyễn Hoàng Triệu V3, sinh ngày 25/9/2005 được Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H triệu tập tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Thông qua các mối quan hệ xã hội, Nguyễn Thị Kim A biết Trần Thế H có cách giúp những người được gọi khám tuyển nghĩa vụ quân sự không phải tham gia khám, nên Nguyễn Thị Kim A đã đến gặp H trình bày vì lý do sức khỏe của con mình, mong muốn H giúp cho con mình không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự. Nghe vậy, H nói sẽ làm cho con Nguyễn Thị Kim A một giấy xác nhận của trường đại học để xác nhận đang học tại đây thì sẽ được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Nguyễn Thị Kim A đồng ý cung cấp thông tin con của Kim A cho H để H làm. Vài ngày sau, H đã giao cho Kim A các tài liệu gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận; 01 bản gốc giấy báo nhập học đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Nguyễn Hoàng Triệu V3, sinh ngày: 25/9/2005; 01 bản sao chứng thực từ bản chính giấy xác nhận và 01 bản sao chứng thực từ bản chính giấy báo nhập học đề Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có tên Nguyễn Hoàng Triệu V3, sinh ngày: 25/09/2005. Đến ngày khám tuyển, Nguyễn Thị Kim A cầm các bản gốc, bản sao của các giấy xác nhận, giấy báo nhập học đến Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H để nộp, quá trình tiếp nhận các tài liệu mà Nguyễn Thị Kim A, Ban chỉ huy quân sự phường B chỉ nhận các tài liệu bản gốc còn các tài liệu bản sao đã trả lại cho Nguyễn Thị Kim A. Làm việc với Cơ quan CSĐT Công an thị xã H, Nguyễn Thị Kim A đã tự nguyện giao nộp 02 tài liệu bản sao chứng thực từ bản chính mà Nguyễn Thị Kim A cất giữ. Đối với bản gốc các tài liệu mà Nguyễn Thị Kim A sử dụng, Ban chỉ huy quân sự phường B đã làm thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã không thu giữ được. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Thị Kim A đã nhờ H làm 02 bản gốc tài liệu giả, Nguyễn Thị Kim A đã sử dụng 02 bản gốc tài liệu giả nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ 02 bản sao chứng thực từ bản chính tài liệu giả do Kim A tự nguyện giao nộp.

36. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Hoàng H10 như sau:

Trước thời điểm đợt khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2023 tại phường B, thị xã H, Hoàng H10 biết sắp tới con của mình là Hoàng Đình P3, sinh ngày 23/3/2005 sẽ được gọi tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo đúng độ tuổi.

Lúc này, H10 không muốn con mình phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự mà ở nhà phụ giúp gia đình. Thông qua các mối quan hệ xã hội, H10 biết được Trần Thế H có cách để con H10 không phải tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, sau đó H10 gặp H và nhờ H tìm cách giúp cho con H10 không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự, H đã đồng ý làm giúp. H10 đưa thông tin cá nhân con mình là Hoàng Đình P3 cho H để làm giấy xác nhận như đã nói, còn việc H trực tiếp làm hay nhờ người khác làm giấy xác nhận này thì H10 không biết. Đến khoảng tháng 9/2023, sau khi gia đình H10 nhận được lệnh gọi công dân tham gia sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường B triệu tập Hoàng Đình P3 đi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Lúc này, H10 liên hệ lại H để hỏi về việc đã làm xong các giấy cho H10 chưa, thì H nói đã làm xong và hỏi địa chỉ nhà H10 ở đâu để H đến đưa giấy xác nhận cho H10. Khi đến nhà, H đưa cho H10 02 tài liệu gồm: 01 bản giấy xác nhận sinh viên đề Trường Đại học Nha Trang có thông tin Hoàng Đình P3, sinh ngày: 23/3/2005 và 01 bản sao chứng thực. Ngày hôm sau, H10 cầm 02 (hai) giấy xác nhận (gồm 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực từ bản chính) đến Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H nộp nhằm mục đích lừa dối con đang học tại Trường Đại học Nha Trang để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường B đã làm thất lạc các tài liệu này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được các tài liệu này H10 đã sử dụng, mà chỉ thu được các tài liệu này qua hình ảnh chụp của Ban chỉ huy quân sự phường B cung cấp. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Hoàng H10 đã nhờ H làm 01 bản gốc tài liệu giả, H10 đã sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả, 01 bản sao chứng thực từ bản chính tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H.

37. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2023, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 biết con của mình là Bùi Hoàng Anh Q6, sinh ngày 04/01/2005 đã đến tuổi gọi tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự và Q1 không muốn con tham gia nghĩa vụ quân sự. Thông qua các mối quan hệ xã hội, Q1 biết được Trần Thế H có thể giúp được con mình không phải tham gia khám nghĩa vụ quân sự nên Q1 đã liên hệ với H để nhờ H làm giúp cho con Q1 một giấy xác nhận đang học tại trường đại học, thì được H đồng ý yêu cầu Q1 cung cấp thông tin của Bùi Hoàng Anh Q6 để H làm. Đến khoảng tháng 9/2023, Q1 nhận được lệnh gọi công dân tham gia sơ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Ban chỉ huy quân sự phường B triệu tập con Q1 là Bùi Hoàng Anh Q6 tham gia khám nghĩa vụ quân sự, cùng thời điểm này H đã đến nhà đưa cho Q1 các tài liệu gồm: 01 bản gốc giấy xác nhận và 01 bản sao chứng thực từ bản chính của giấy xác nhận Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Bùi Hoàng Anh Q6, sinh ngày: 04/01/2005. Khi nhận được các tài liệu này, Q1 đã cầm 02 (hai) tài liệu (gồm bản gốc, bản sao chứng thực từ bản chính) này đến Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H để nộp với mục đích lừa dối con trai đang học tại Trường Đại

học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh để được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự. Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H đã làm thất lạc các tài liệu này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H không thu giữ được, mà chỉ thu được các tài liệu này qua hình ảnh chụp của Ban chỉ huy quân sự phường B cung cấp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 đã nhờ H làm 01 bản gốc tài liệu giả, Q1 đã sử dụng 01 bản gốc tài liệu giả, 01 bản sao chứng thực từ bản chính tài liệu giả này nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường B, thị xã H.

Bản kết luận giám định số: 182/KL-KTHS ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đối với các mẫu vật cần giám định, kết luận:

1. Chữ ký mang tên Nguyễn Anh T38 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Nguyễn Tuấn A1 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4, không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ★ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4, không cùng một phương pháp tạo ra.

3. Chữ ký mang tên Tô Văn P5 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A3 là chữ ký photocopy nên không tiến hành giám định.

4. Chữ ký mang tên Trang Sĩ T39 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A4 là chữ ký photocopy nên không tiến hành giám định.

5. Hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ★ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A3, A4 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M3, không cùng một phương pháp tạo ra.

Bản Kết luận giám định số: 660/KL-KTHS ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đối với các mẫu vật cần giám định, kết luận:

1. Chữ ký mang tên Nguyễn Anh T38 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A16 so với chữ ký mang tên Nguyễn Anh T38 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A16 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 không cùng một phương pháp tạo ra.

3. Chữ ký mang tên Tô Văn P5 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A17, A19, A21, A22, A23, A24, A25, A28 là chữ ký photocopy nên không tiến hành giám định.

4. Chữ ký mang tên Trang Sĩ T39 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A18, A20, A26, A27, A29 là chữ ký photocopy nên không tiến hành giám định.
5. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A17 đến A29 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4 không cùng một phương pháp tạo ra.
6. Không tiến hành giám định so sánh chữ ký mang tên Trần Ngọc T40 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A30, A31, A32 (chữ ký trực tiếp) so với chữ ký mang tên Trần Ngọc T40 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M5 (chữ ký hình dấu), do có phương pháp tạo ra khác nhau.
7. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ FPT TP. HỒ CHÍ MINH ★ TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A30, A31, A32 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M5 không cùng một phương pháp tạo ra.
8. Hình dấu tên có nội dung “Trần Ngọc T40” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A30, A31, A32 so với hình dấu tên có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M5 không cùng một phương pháp tạo ra.
9. Chữ ký mang tên Trương Quỳnh N18 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A33, A34 so với chữ ký mang tên Trương Quỳnh N18 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M7 không phải do cùng một người ký ra.
10. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A33, A34 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M6 không cùng một phương pháp tạo ra.
11. Không tiến hành giám định so sánh chữ ký mang tên Lê Thị Vũ A3 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A35, A36 so với chữ ký mang tên Lê Thị Vũ A3 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M8 do có dạng khác nhau.
12. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP HỒ CHÍ MINH ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A35, A36 so với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M8 không cùng một phương pháp tạo ra.
13. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Diễm Y trên tài liệu cần giám định kí hiệu A37 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Diễm Y trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M9 không phải do cùng một người ký ra.
14. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC ★ UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A37 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M9 không cùng một phương pháp tạo ra.

15. Không tiến hành giám định so sánh chữ ký mang tên Lê Thị Minh P6 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A38 (chữ ký trực tiếp) so với chữ ký mang tên Lê Thị Minh P6 trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M11, M12, M13 (chữ ký hình dấu), do có phương pháp tạo ra khác nhau.

16. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ★ ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A38 so với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ★ ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M10 không cùng một phương pháp tạo ra.

17. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT ★ ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A39 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M14 không cùng một phương pháp tạo ra.

18. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN ★ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A40 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M15 không cùng một phương pháp tạo ra.

19. Không tiến hành giám định so sánh chữ ký mang tên Phạm Quang D9 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A41 (chữ ký in phun màu) so với chữ ký mang tên Phạm Quang D9 trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M16 (chữ ký trực tiếp), do có phương pháp tạo ra khác nhau.

20. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH ★ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A41 so với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ★ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M16 không cùng một phương pháp tạo ra.

Bản Kết luận giám định số 1365/KL-KTHS ngày 16/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: “Tập tin hình ảnh (Kí hiệu: A1, A2, A3, A4, A5, A6): Không xác định được cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Thu T, Trần Thế H, Nguyễn Huy H1, phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Phan Quang H2, Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng

Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10 và Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ vào khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thu T 03 năm 09 tháng (Ba năm chín tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thế H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

- Căn cứ vào khoản 1 và các điểm c, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy H1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Quang H2 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Hồng L3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Thanh N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Huyền L1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh N1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Bạch Thanh H3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Phan Huy C 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Lê Cẩm H4 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thanh T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị H5 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Ánh N3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Vân H6 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy T2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị C1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H7 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Hồng P 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Thái Q 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân H8 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thanh H9 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Ngọc P1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Kim T3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Diễm S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim N4 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Hoàng H10 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách của án treo, giao bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 cho UBND phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/12/2024 bị cáo Phạm Văn C2 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1 và Trần Thế H có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 10/12/2024 các bị cáo Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, Nguyễn Thị Kim A, Hoàng H10, Trần Văn C3 có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo; bị cáo Phạm Thị Ngọc P1 có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 11/12/2024 bị cáo Nguyễn Huy H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Hồ Thị C1 có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 12/12/2024, các bị cáo Nguyễn Huy T2, Phan Huy C, Bùi Thị Thanh H9, Cao Thị Thanh N, Hoàng Thị Kim T3, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Nguyễn Hoàng Thái Q, Lê Cẩm H4, Bùi Thị Hồng P, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Thu H7, Nguyễn Thanh N1, Bạch Thanh H3, Võ Thị Thanh T1, Cao Thị Hồng L3, Võ Thị

Ánh N3 và Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm mức hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo Phan Quang H2, Phan Thị H5, Nguyễn Thị Mỹ N2 và Nguyễn Xuân H8 có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 16/12/2024 các bị cáo Bùi Thị Vân H6 và Trịnh Thu T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thị Kim N4 có đơn kháng cáo với nội dung xin đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 24/12/2024 bị cáo Kim N4 có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo, bị cáo Nguyễn Huy H1 từ chối người bào chữa cho bị cáo là luật sư Phan Thanh S1.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố: các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Phan Quang H2, Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10 và Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trịnh Thu T, Trần Thế H đã bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Huy H1 đã bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 và các điểm c, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 03 năm 09 tháng tù đối với bị cáo T và 03 năm tù đối với bị cáo H mà bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Xét mức hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo Hoàng mà bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo Trịnh Thu T, Trần Thế H, Nguyễn Huy H1.

Xét mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo Phan Quang H2 mà bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là nghiêm khắc, nên đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo thể hiện sự tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Đề nghị xử phạt bị cáo H2 08 tháng tù.

Xét mức hình phạt 06 tháng tù đối với các bị cáo C3, L3, Đ, N, Hồng L, L1, N1, Mỹ L2, K, H3, N3, Cẩm H4, T1, H5, N3, C, Vân H2, T2, C1, H7, P, Q7, H8, C2, Thanh H9, P1, Thu, S, Kim A, N4, H10, Q1 mà bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo này hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo và xử phạt các bị cáo với mức hình phạt như sau:

Bị cáo Trần Văn C3 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Cao Thị Hồng L3 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Cao Thị Thanh N 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Cao Thị Huyền L1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thanh N1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Bùi Thị K 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Bạch Thanh H3 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Phan Huy C 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N2 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Lê Cẩm H4 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Võ Thị Thanh T1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Phan Thị H5 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Võ Thị Ánh N3 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Bùi Thị Vân H6 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Huy T2 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Hồ Thị C1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H7 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Bùi Thị Hồng P 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Hoàng Thái Q 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Xuân H8 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Bùi Thị Thanh H9 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Phạm Thị Ngọc P1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Hoàng Thị Kim T3 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Cao Thị Diễm S 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Kim A 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thị Kim N4 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Hoàng H10 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Phạm Văn C2 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, mặc dù bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; tuy nhiên, xét

thấy tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo, không cần thiết phải cách ly bị cáo Hà khỏi xã hội. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS - Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Nguyễn Thị Bích H11, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10 và Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 – Sửa Bản án sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt theo nhận định như trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thế H là Luật sư Nguyễn Huy H12 trình bày:* Đồng ý về tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự mà Bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo H. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo H là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, bị cáo H mắc bệnh hiểm nghèo là suy tim, thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, bị cáo phải chăm sóc di ruột bị bệnh tâm thần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn C3, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, Nguyễn Thị Kim A và Hoàng H10 là Luật sư Trần Văn N5 trình bày:* Đồng ý về tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự mà Bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Trần Văn C3, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, Nguyễn Thị Kim A, Hoàng H10 và đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo C3, Q1, Kim A, H10 là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và mục đích sử dụng hồ sơ giả chỉ để tạm hoãn việc khám nghĩa vụ quân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo nêu trên, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày tranh luận: Đối với bị cáo Trần Thế H là

không đủ điều kiện để áp dụng quy định về miễn trách nhiệm hình sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng tháng 9 năm 2023, tại phường T và phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Trịnh Thu T đã có hành vi làm giả 52 tài liệu, gồm các bản gốc giấy báo nhập học, giấy trúng tuyển sinh và giấy xác nhận sinh viên đang học tập tại các trường đại học và cao đẳng trên các địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Đắk Lắk cho các bị cáo khác sử dụng nhằm mục đích để trốn tránh nghĩa vụ quân sự cho con của mình và thu lợi bất chính số tiền 5.400.000 đồng; Bị cáo Trần Thế H đã có hành vi đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực để bị cáo T làm 08 tài liệu giả thu lợi bất chính số tiền 8.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Huy H1 đã có hành vi đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích để bị cáo T làm giả 04 tài liệu thu lợi bất chính số tiền 11.000.000 đồng. Sau khi có được các tài liệu làm giả từ các bị cáo T, H, Hoàng và Lưu Văn Q7 (đã chết) thì các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Phan Quang H2, Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Nguyễn Thị Bích H11, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10 và Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 đã có hành vi sử dụng các loại giấy tờ giả nói trên nộp vào Ban chỉ huy quân sự phường T và phường B nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ quân sự cho con của mình thì bị cơ quan chức năng phát các loại giấy tờ này là giả.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3, Phan Quang H2, Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10 và Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 về tội “*Sử dụng tài liệu*

giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trịnh Thu T, Trần Thế H đã bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Huy H1 đã bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo khoản 1 và các điểm c, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Xét mức hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Huy H1, 03 năm 09 tháng tù đối với bị cáo Trịnh Thu T và 03 năm tù đối với bị cáo Trần Thế H mà bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* là phù hợp.

Bởi lẽ, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà các bị cáo Nguyễn Huy H1, Trịnh Thu T, Trần Thế H được hưởng, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới hoặc cung cấp nhưng không đủ căn cứ để áp dụng tình tiết, giảm nhẹ mới (Bị cáo Trần Thế H cung cấp Giấy xác nhận đang chăm sóc dì ruột bị bệnh tâm thần. Bị cáo Trịnh Thị Thu T cung cấp tài liệu bệnh án bị cáo bị bệnh về cột sống).

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thế H, kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Thu T, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Huy H1.

[2.2] Xét mức hình phạt 06 tháng tù đối với các bị cáo C3, L3, Đ, N, Hồng L, L1, N1, Mỹ L2, K, H3, N3, Cẩm H4, T1, H5, N3, C, Vân H2, T2, C1, H7, P, Q7, H8, C2, Thanh H9, P1, Thu, S, Kim A, N4, H10, Q1 về tội *“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* là có phần nghiêm khắc.

Bởi lẽ, các bị cáo được hưởng 02 tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều là lao động duy nhất trong gia đình và có người thân bị bệnh tật cần được chăm sóc (có xác nhận của chính quyền địa phương); bản thân các bị cáo cũng có bệnh nền cần thường xuyên được điều trị; các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi sử dụng tài liệu giả nộp cho cơ quan quân sự để được tạm hoãn nghĩa vụ đã bị cơ quan phát hiện ngăn chặn kịp thời, sau đó các đối tượng này đều có giấy báo khám nghĩa vụ trở lại.

Để thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo trên khỏi xã hội, mà cho các bị cáo cải

tạo ngoài đời sống xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương kết hợp với gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo C3, L3, Đ, N, Hồng L, L1, N1, Mỹ L2, K, H3, N3, Cẩm H4, T1, H5, N3, C, Vân H2, T2, C1, H7, P, Q7, H8, C2, Thanh H9, P1, Thu, S, Kim A, N4, H10, Q1 và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo thành người công dân lương thiện.

Do các bị cáo trên đều có hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trên.

[2.3] Xét mức hình phạt 09 tháng tù đối với các bị cáo Phan Quang H2 về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 08 tháng tù giam.

Nhận thấy, bị cáo đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích, mức độ của tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; do đó; không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tính răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Như vậy, HĐXX nhận thấy kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phan Quang H2 là có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; mặc dù bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; tuy nhiên, xét thấy hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt đối bị cáo là có phần nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác trong cùng nhóm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên hội đồng xét xử cần chuyển hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo (theo hướng có lợi) là phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi của bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp với gia đình, giám sát, giáo dục cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa C1.

Do đó, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Bích Hà là có căn cứ và cần sửa bản án về phần hình phạt đối với bị cáo Bích Hà theo hướng: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, là phù hợp.

Do bị cáo Bích Hà có hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hà.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q7 hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo, Trịnh Thu T, Trần Thế H, Nguyễn Huy H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Phan Quang H2 Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thu T, Trần Thế H, Nguyễn Huy H1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Quang H2, Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[2] Về điều khoản và hình phạt:

[2.1] Căn cứ vào khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thu T 03 năm 09 tháng (Ba năm chín tháng) tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.2] Căn cứ vào khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thế H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.3] Căn cứ vào khoản 1 và các điểm c, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy H1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.4] Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Quang H2 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong thời gian thử thách của án treo, giao bị cáo Phan Quang H2 cho UBND phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2.5] Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; Điều 36; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C3 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Hồng L3 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Thanh N 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Huyền L1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh N1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị K 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Bạch Thanh H3 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Phan Huy C 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Lê Cẩm H4 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thanh T1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị H5 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Ánh N3 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Vân H6 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy T2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị C1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H7 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Hồng P 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Thái Q 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân H8 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thanh H9 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Ngọc P1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Kim T3 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Diễm S 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim A 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim N4 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng H10 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp xã nhận được Quyết định thi hành án.

[2.6] Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; Điều 36; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H11 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

[2.7] Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Phan Huy C, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim N4, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Thị Bích H11 cho UBND phường T, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3, Nguyễn Thị Kim A, Hoàng H10, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1 cho UBND phường phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Văn C3, Cao Thị Hồng L3; Nguyễn Văn Đ, Cao Thị Thanh N, Nguyễn Thị Hồng L, Cao Thị Huyền L1, Nguyễn Thanh N1, Phan Huy C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Bùi Thị K, Bạch Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ N2, Lê Cẩm H4, Võ Thị Thanh T1, Phan Thị H5, Võ Thị Ánh N3, Bùi Thị Vân H6, Nguyễn Huy T2, Hồ Thị C1, Nguyễn Thị Thu H7, Bùi Thị Hồng P, Nguyễn Hoàng Thái Q, Nguyễn Xuân H8, Phạm Văn C2, Bùi Thị Thanh H9, Phạm Thị Ngọc P1, Hoàng Thị Kim T3, Cao Thị Diễm S, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim N4, Hoàng H10, Nguyễn Hoàng Đỗ Q1, Nguyễn Thị Bích H11.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q7 hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trịnh Thu T, Trần Thế H, Nguyễn Huy H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- VKSND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. H;
- CQ T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Hồng